UNIT 3. WILD LIFE

BÀI 5: Language foucs 2: can/ might/ how – Unit 3 – trang 43 SGK tiếng Anh 6 – Friends Plus

can for ability

(can để chỉ khả năng)

1. Complete the examples from the quiz on page 42. Then choose the correct answers in Rules 1-4.

(Hoàn thành các ví dụ từ câu hỏi trang 42. Sau đó chọn câu trả đúng trong Quy tắc 1-4.)

An eagle (1)…….. see a small animal from a great distance.

Ostriches (2)…….. fly.

(3)…….. a scorpion kill a human? Yes, it (4)……../ No, it (5)……...

(6)…….. elephants hear with their ears and their feet? Yes, they (7)…….. / No, they (8)…….. .

RULES
1. We use ***can/can't*** in affirmative sentences.
2. We use ***can / can't*** in negative sentences.
3. We use ***do*** and ***does*** / ***can*** and ***can't*** in questions and short answers.
4. The he/she/it forms of can are ***different / the same***.

Hướng dẫn giải:

1. can	2. can't	3. Can	4. can
5. can't	6. Can	7. can	8. can't

RULES: 1. can	2. can't	3. can and can't	4. the same

An eagle **can** see a small animal from a great distance.

(Đại bàng có thể nhìn thất động vật nhỏ ở khoản cách xa.)

Ostriches **can't** fly.

(Đà điểu không thể bay.)

Can a scorpion kill a human? Yes, it **can**. / No, it **can't**.

(Bọ cạp có thể giết người không? Vâng, nó có thể./ Không, nó không thể.)

Can elephants hear with their ears and their feet? Yes, they **can**. / No, they **can't**.

(Voi có thể nghe bằng tay và chân không? Vâng, chúng có thể./ Không, chúng không thể.)

RULES *(Quy tắc)*
1. We use **can** in affirmative sentences.

(Chúng ta dùng can trong câu khẳng định.)

2. We use **can't** in negative sentences.

(Chúng ta dùng can't trong câu phủ định.)

3. We use ***can* and *can't*** in questions and short answers.

(Chúng ta dùng can và can't trong câu hỏi và câu trả lời ngắn.)

4. The *he/she/it* forms of *can* are **the same**.

(Dạng he/she/it của can giống nhau.)

2. Complete the dialogue with *can* and *can't*.

(Hoàn thành bài hội thoại với can và can't.)

Parrot: I'm very intelligent. I ***(1) can*** speak five languages.

Snake: (2)…….you speak human languages?

Parrot: Yes, I (3)……. . Can you speak many languages?

Snake: No, I (4)……. but I (5)…….eat animals which are bigger than me.

Parrot: Oh!

Hướng dẫn giải:

1. can	2. Can	3. can	4. can't	5. can

Parrot: I'm very intelligent. I **can** speak five languages.

Snake: **Can** you speak human languages?

Parrot: Yes, I **can**. Can you speak many languages?

Snake: No, I **can't** but I **can** eat animals which are bigger than me.

Parrot: Oh!

Tạm dịch:

Vẹt: *Tôi rất thông minh. Tôi có thể nói năm thứ tiếng.*

Rắn: *Bạn có thể nói tiếng người không?*

Vẹt: *Vâng, tôi có thể. Bạn có thể nói nhiều ngôn ngữ không?*

Rắn: *Không, tôi không thể nhưng tôi có thể ăn những con vật lớn hơn tôi.*

Vẹt: *Ồ!*

might *(có thể)*

3. Look at the examples of sentences with might. Then choose the correct answers in the Rules.

(Nhìn các câu ví dụ với might. Sau đó chọn câu trả lời đúng trong Quy tắc.)

Be careful, it's a scorpion. It might be dangerous.

(Cẩn thận, nó là bọ cạp đó. Nó có thể nguy hiểm.)

We might see a bear in the national park.

(Chúng ta có thể nhìn thấy con gấu trong công viên quốc gia.)

RULES
We use might when we **know / don't know** if something is true. The he/she/it forms of might are **different / the same**.

Hướng dẫn giải:

RULES *(Quy tắc)*
We use might when **don't know** if something is true. *(Chúng ta sử dụng might khi chúng ta không biết điều gì đó có đúng hay không.)* The he/she/it forms of might are **the same**. *(Dạng he/she/it của might đều giống nhau.)*

Questions with How…?

(Câu hỏi với How…?)

4. Complete the quiz questions with the words in the box. Then listen and check.

(Hoàn thành các câu đố vui với các từ trong khung. Sau đó nghe và kiểm tra.)

far	long	tall	~~heavy~~	fast	many

... is a new baby?

How heavy is a new baby? *(Em bé mới sinh nặng bao nhiêu kg?)*

1. ... can the fastest person run?
2. ... countries are there in the world?
3. ... is an adult giraffe?
4. ... is an adult crocodile?
5. ... is the North Pole from the South Pole?

Phương pháp:

- How far: bao xa => hỏi về khoảng cách địa lý
- How long: dài như thế nào
- How tall: cao như thế nào
- How heavy: nặng như thế nào
- How fast: nhanh như thế nào
- How many: bao nhiêu

Hướng dẫn giải:

1. How fast	2. How many	3. How tall	4. How long	5. How far

1. **How fast** can the fastest person run?

(Người chạy nhanh nhất có thể chạy nhanh như thế nào?)

2. **How many** countries are there in the world?

(Có bao nhiêu quốc gia trên thế giới?)

3. **How tall** is an adult giraffe?

(Con hươu cao cổ trưởng thành cao bao nhiêu?)

4. **How long** is an adult crocodile?

(Cá sấu trưởng thành dài bao nhiêu?)

5. **How far** is the North Pole from the South Pole?

(Cực Bắc cách cực Nam bao xa?)

5. Look at the Key Phrases. Answer the questions in exercise 4 with the information in the box. Use the Key Phrases. Then compare with a partner.

(Nhìn Key Phrases. Trả lời các câu hỏi ở bài tập 4 với thông tin trong khung. Sử dụng Key Phrases. Sau đó so sánh với bạn của em.)

KEY PHRASES
Estimating A new baby is usually **between** 2.5 and 4.5 kilos. Gorillas can grow to **around** 250 kilos. Camels can survive **about** six months without water.

Phương pháp:

CỤM TỪ TRỌNG TÂM
Ước tính *Một em bé mới sinh thường từ 2,5 đến 4,5 kg.* *Khỉ đột có thể phát triển đến khoảng 250 kg.* *Lạc đà có thể tồn tại khoảng sáu tháng mà không cần nước.*

~~2.5 and 4.5 kilos~~	44 kilometres an hour
5 and 6 metres	4 metres
195	20,014 kilometres

I think that a new baby is between 2.5 and 4.5 kilos.

(Tôi nghĩ một em bé mới sinh nặng khoảng 2,5 đến 4,5 kg.)

Hướng dẫn giải:

1. How fast can the fastest person run? – Around 44 kilometres an hour.

(Người chạy nhanh nhất có thể chạy nhanh như thế nào? - Khoảng 44km/h.)

2. How many countries are there in the world? – 195 (recognised by the United Nations.)

(Có bao nhiêu quốc gia trên thế giới? - 195 (được công nhận bởi Liên hợp quốc.))

3. How tall is an adult giraffe? – Between 5 and 6 metres.

(Con hươu cao cổ trưởng thành cao bao nhiêu? – Từ 5 đến 6 mét.)

4. How long is an adult crocodile? – Around 4 metres.

(Cá sấu trưởng thành dài bao nhiêu? – Khoảng 4m.)

5. How far is the North Pole from the South Pole? - 20,014 kilometres.

(Cực Bắc cách cực Nam bao xa? – 20.014 km.)

6. USE IT! Ask and answer questions with How…?. Find people in the class with the same answers as yours.

(Thực hành! Hỏi và trả lời những câu hỏi với How…?. Tìm trong lớp người có câu trả lời giống em.)

How far…?	How tall…?
How fast…?	How many…?

- How far can you swim? *(Bạn có thể bơi bao xa?)*

- I can swim about 100 metres. *(Tôi có thể bơi khoảng 100m.)*

Hướng dẫn giải:

- How far can you run? – I can run around 10 kilometres.

(Bạn có thể chạy bao xa? - Tôi có thể chạy khoảng 10 km.)

- How tall are you? – I'm between 1.6 and 1.7 metres.

(Bạn cao bao nhiêu? - Tôi cao từ 1,6 đến 1,7 mét.)

- How fast can you ride a bike? – I can ride about 20 kilometres an hour.

(Bạn có thể đi xe đạp nhanh như thế nào? - Tôi có thể đạp xe khoảng 20 km/h.)

- How many students are there in our school? – Around 1,000 students.

(Có bao nhiêu học sinh trong trường của chúng ta? - Khoảng 1.000 sinh viên.)

Finished? Invent more questions for the quiz in exercise 4.

(Hoàn thành bài học? Tạo thêm nhiều câu đố vui trong bài tập 4.)

Hướng dẫn giải:

- How far is from the Earth to the sun?

(Từ Trái Đất đến mặt trời bao xa?)

- How long is the longest river in the world?

(Con sông dài nhất thế giới dài bao nhiêu?)

- How high is Eiffel tower in Paris?

(Tháp Eiffel ở Paris cao bao nhiêu?)

- How tall is the shorest person in the world?

(Người thấp nhất thế giới cao bao nhiêu?)

- How heavy is a newborn elephant?

(Voi sơ sinh nặng bao nhiêu?)

- How fast can a leopard run?

(Con báo có thể chạy nhanh đến mức nào?)

- How many planets are there in the univers?

(Có bao nhiêu hành tinh trong vũ trụ?)